ĐẶC TẢ CẤU TRÚC THÔNG TIN MẪU PHIẾU XÉT NGHIỆM VI SINH

Một số kiểu dữ liệu object:

1. KetQuaTrucTiep

STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
1.1	YeuCauXetNghiem	Tên xét nghiệm trực tiếp (soi tươi, nhuộm Gram…)	Chuỗi	250	Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế
1.2	KetQua	Kết quả xét nghiệm trực tiếp	Chuỗi	500	Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế

2. NuoiCayItem

STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
2.1	ViKhuanAiKhi	Tên vi khuẩn ái khí nuôi cấy được	Chuỗi	250	
2.2	ViKhuanKyKhi	Tên vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy được	Chuỗi	250	

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Nhóm định danh	1.1	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	Nhóm định danh	1.2	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Nhóm định danh	1.3	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân tại viện	Chuỗi	25	
I	Nhóm định danh	1.4	MaHoSo	Mã hồ sơ bệnh án (số vào viện)	Chuỗi	25	
I	Nhóm định danh	1.5	IDMauPhieu	Mã định danh mẫu phiếu	Số nguyên	5	
II	Thông tin hành chính	2.1	HoVaTenBenhNhan	Họ và tên bệnh nhân	Chuỗi	250	
II	Thông tin hành chính	2.2	Tuoi	Tuổi	Số nguyên	4	
II	Thông tin hành chính	2.3	GioiTinh	Giới tính: 1-Nam, 2-Nữ, 3-Khác	Số nguyên	1	Quyết đinh 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế
II	Thông tin hành chính	2.4	DiaChi	Địa chỉ đầy đủ	Chuỗi	500	Theo tổng cục thống kê
II	Thông tin hành chính	2.5	SoTheBHYT	Số thẻ BHYT	Chuỗi	25	
II	Thông tin hành chính	2.6	SoYTe	Tên Sở Y tế	Chuỗi	250	
II	Thông tin hành chính	2.7	BenhVien	Tên bệnh viện	Chuỗi	250	Theo BHYT
II	Thông tin hành chính	2.8	MaKhoa	Mã khoa	Chuỗi	25	Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
							30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
II	Thông tin hành chính	2.9	Khoa	Tên khoa	Chuỗi	250	Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
II	Thông tin hành chính	2.10	Buong	Buồng bệnh	Chuỗi	50	
II	Thông tin hành chính	2.11	Giuong	Giường bệnh	Chuỗi	50	
II	Thông tin hành chính	2.12	LoaiXetNghiem	Loại xét nghiệm: 1-Thường 2-Cấp cứu	Số nguyên	1	Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế
II	Thông tin hành chính	2.13	NgaySinh	Ngày sinh bệnh nhân	Ngày	YYYY/MM/DD	
II	Thông tin hành chính	2.14	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
II	Thông tin hành chính	2.15	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	
III	Kết quả trực tiếp	3.1	ChanDoan	Chẩn đoán lâm sàng gửi kèm	Chuỗi	1000	
III	Kết quả trực tiếp	3.2	KetQuaTrucTiep	Danh sách kết quả xét nghiệm trực tiếp (soi tươi, nhuộm Gram, v.v.)	List<KetQuaItem>		
IV	Nuôi cấy vi khuẩn	4.1	NuoiCay	Danh sách vi khuẩn ái khí & kỵ khí nuôi cấy được	List<NuoiCayItem>		
V	Phản ứng huyết thanh	5.1	PhanUngHT	Phản ứng huyết thanh (VD: Widal, Wright, v.v.)	Chuỗi	200	
VI	Kháng sinh đồ	6.1	ChungViKhuan	Chủng vi khuẩn làm kháng sinh đồ	Chuỗi	100	
VI	Kháng sinh đồ	6.2	Penicilline	Penicilline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.3	Ampicilline	Ampicilline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.4	AmoAClavulanic	Amoxicilline + Acid Clavulanic (1 = S; 2 = I; 3 =	Số nguyên	1	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
				R)			
VI	Kháng sinh đồ	6.5	Aztreonam	Aztreonam (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.6	Mezlocilline	Mezlocilline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.7	OxacillinePhe	Oxacilline (Phenotype) (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.8	OxacillineTu	Oxacilline (Tự động) (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.9	Cephalotine	Cephalotine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.10	Cefuroxime	Cefuroxime (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.11	Ceftazidime	Ceftazidime (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.12	Cefotaxime	Cefotaxime (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.13	Ceftriaxone	Ceftriaxone (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.14	Cefoperazone	Cefoperazone (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
VI	Kháng sinh đồ	6.15	Cefepime	Cefepime (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.16	Vancomycin	Vancomycin (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.17	Clindamycin	Clindamycin (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.18	Chloramphenicol	Chloramphenicol (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.19	Erythromycine	Erythromycine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.20	Tetracycline	Tetracycline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.21	Doxycycline	Doxycycline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.22	NalidixicAcid	Nalidixic Acid (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.23	Nofloxacin	Norfloxacin (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.24	Ciprofloxacine	Ciprofloxacine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.25	Ofloxacine	Ofloxacine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
VI	Kháng sinh đồ	6.26	Gentamycine	Gentamycine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.27	Tobramycine	Tobramycine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.28	Amikacine	Amikacine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.29	Netromycine	Netromycine (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.30	Cotrimoxazol	Cotrimoxazol (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VI	Kháng sinh đồ	6.31	Nitroxoline	Nitroxoline (1 = S; 2 = I; 3 = R)	Số nguyên	1	
VII	Thông tin ký	7.1	BacSiDieuTri	Bác sĩ chỉ định xét nghiệm	Chuỗi	250	
VII	Thông tin ký	7.2	NgayKyBacSiDieuTri	Ngày giờ bác sĩ chỉ định ký	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
VII	Thông tin ký	7.3	BacSiTruongKhoa	Trưởng khoa Vi sinh ký kết quả	Chuỗi	250	
VII	Thông tin ký	7.4	NgayKyTruongKhoaXetNghiem	Ngày giờ trưởng khoa Vi sinh ký	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	

Chuỗi Json


```
{
  "ID": 0,
```

```
"MaQuanLy": 150058,
"MaBenhNhan": "BN20260092",
"MaHoSo": "HS20260092",
"IDMauPhieu": 1016,
"HoVaTenBenhNhan": "Phạm Thanh Tùng",
"Tuoi": 40,
"GioiTinh": 1,
"DiaChi": "89 Đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh",
"SoTheBHYT": "223344556677",
"SoYTe": "YT202600412",
"BenhVien": "Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM",
"MaKhoa": "KNT",
"Khoa": "Khoa Nội Thận - Tiết niệu",
"Buong": "B307",
"Giuong": "22",
"LoaiXetNghiem": 3,
"NgaySinh": "1986-02-18",
"NgayVaoVien": "2026-04-07T14:45:00",
"MaCSKCB": "79019",
"ChanDoan": "Viêm bàng quang cấp, nghi nhiễm khuẩn tiết niệu",
"KetQuaTrucTiep": [
  {
    "YeuCauXetNghiem": "Nhuộm Gram nước tiểu",
```

```
    "KetQua": "Vi khuẩn Gram âm hình que, bạch cầu thoái hóa (+) nhiều"
  }
],
"NuoiCay": [
  {
    "ViKhuanAiKhi": "Escherichia coli",
    "ViKhuanKyKhi": ""
  }
],
"PhanUngHT": "Dương tính mạnh",
"ChungViKhuan": "Escherichia coli",
"Penicilline": 0,
"Ampicilline": 0,
"AmoAClavulanic": 1,
"Aztreonam": 1,
"Mezlocilline": 0,
"OxacillinePhe": 0,
"OxacillineTu": 0,
"Cephalotine": 0,
"Cefuroxime": 1,
"Ceftazidime": 1,
"Cefotaxime": 1,
"Ceftriaxone": 1,
```

```
  "Cefoperazone": 1,
  "Cefepime": 1,
  "Vancomycin": 0,
  "Clindamycin": 0,
  "Chloramphenicol": 1,
  "Erythromycine": 0,
  "Tetracycline": 0,
  "Doxycycline": 0,
  "NalidixicAcid": 1,
  "Nofloxacin": 1,
  "Ciprofloxacine": 1,
  "Ofloxacine": 1,
  "Gentamycine": 1,
  "Tobramycine": 1,
  "Amikacine": 1,
  "Netromycine": 1,
  "Cotrimoxazol": 1,
  "Nitroxoline": 1,
  "BacSiDieuTri": "ThS.BS. Nguyễn Thị Thu Hà",
  "NgayKyBacSiDieuTri": "2026-04-09T09:30:00",
  "BacSiTruongKhoa": "TS.BS. Lê Thị Ngọc Mai",
  "NgayKyTruongKhoaXetNghiem": "2026-04-09T10:45:00"
}
```